

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 163/2026/DS-PT

Ngày: 13/3/2026

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán:

Bà Võ Bích Hải.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 13 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 183/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh G, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

1.1. Ông Huỳnh N;

1.2. Ông Hoàng Duy N1.

Địa chỉ: A T, phường T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn N2, sinh năm: 1961

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

2.2. Bà Lê Kim C, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 1 đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Bé T;

2.2. Bà Dương Thị Y.

Địa chỉ: B đường số D, KDC H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1937;

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

3.2. Bà Lê Kim Đ, sinh năm: 1964'

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

3.3. Bà Lê Kim C1, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

3.4. Ông Lê Minh P, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

3.5. Ông Nguyễn Hoài T1, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: 1 đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 2 đường H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

3.6. Ông Nguyễn Hoàng Đ1, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: 1 đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 2 đường H, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

3.7. Bà Từ Lệ Q, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Minh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/04/2024; đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/03/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ông Lê Văn C2 (sinh năm 1931, chết năm 1999) và bà Nguyễn Kim L chung sống với nhau có 06 người con chung là Lê Văn N2, Lê Kim C, Lê Kim Đ, Lê Minh G, Lê Kim C1, Lê Minh P. Ông Lê Văn C2 chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống ông C2 và bà L đã tạo lập được 02 phần đất tại địa chỉ: 1 và A hẻm A phường T (phường H, quận N), thành phố Cần Thơ với diện tích khoảng 900m². Sau khi ông C2 chết gia đình chưa cho ý định phân chia di sản của ông C2 để lại nên đã giao cho ông N2 và bà C trông coi, quản lý. Đến tháng 1/2024 nguyên đơn yêu cầu ông N2 và bà C giao giấy tờ đất để nguyên đơn làm thủ tục mở thừa kế phần chia di sản của ông C2 nhưng ông N2 và bà C đã làm các thủ tục đăng ký, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đối với 02 phần đất trên. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C2 và yêu cầu được nhận giá trị phần di sản thừa kế với số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn N2, bà Lê Kim C trình bày: Phần đất tại địa chỉ: 1 và A hẻm A phường T (phường H, quận N), thành phố Cần Thơ không phải là di sản thừa kế của ông Lê Văn C2. Không phải là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông C2 và bà L. Ông C2 và bà L không có thực hiện việc kê khai và không được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên. Nguồn gốc 02 phần đất trên là của cụ Ngô Thị Đ2 để lại cho ông Lê Văn N2 và bà Lê Kim C từ trước năm 1980. Trong quá trình sử dụng ông N2 và bà C đã xây dựng nhà kiên cố để ở và đồng thời đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh P, bà Lê Kim C1, Lê Kim Đ trình bày: phần đất tại địa chỉ số A và A hẻm A, phường T (phường H, quận N), thành phố Cần Thơ không phải là di sản của ông C2. Các tài sản trên có nguồn gốc là của ông Lê Văn N2 và bà Lê Kim C được ông bà nội cho từ năm 1980. Trong quá trình sử dụng ông N2 và bà C đã xây dựng nhà kiên cố để ở và đồng thời đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có văn bản đề giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim L trình bày: phần đất tại địa chỉ: 1 và A hẻm A phường T (phường H, quận N), thành phố Cần Thơ không phải là tài sản của Tôi và ông Lê Văn C2, Tôi và ông Lê Văn C2 chưa từng được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và chưa từng quản lý và sử dụng đối với 02 phần đất trên. Nguồn gốc 02 phần đất trên là của mẹ chồng của bà - cụ Ngô Thị Đ2 để lại cho ông Lê Văn N2 và bà Lê Kim C từ trước năm 1980. Trong quá trình sử dụng ông N2 và bà C đã xây dựng nhà kiên cố để ở và đồng thời đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có văn bản đề giải quyết vắng mặt.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 183/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Minh G về việc tranh chấp thừa kế với bị đơn Lê Văn N2, Lê Kim C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất ý kiến của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng phía bị đơn không đồng ý. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để xem xét thẩm định tài sản tranh chấp. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, sau khi không tiến hành xem xét thẩm định 2

lần không được do bị đơn và phía ông Đ1, ông T1 vắng mặt thì Tòa án ra quyết định đưa vụ án xét xử công khai. Sau đó, nguyên đơn có đơn kháng cáo, tại đơn kháng cáo nguyên đơn cũng không có yêu cầu xem xét thẩm định tài sản nhưng đến phiên tòa lần 2, đại diện nguyên đơn đề nghị hoãn phiên tòa để xem xét thẩm định tài sản là không có cơ sở theo Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại đơn kháng cáo nguyên đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất: Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 34 tờ bản đồ số 26 diện tích 921,8 m² tọa lạc tại 1 đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nay phường T, thành phố Cần Thơ thể hiện, bà Lê Kim C và ông Nguyễn Minh N3 sử dụng thửa đất từ năm 1980, đến năm 2011 bà Lê Kim C và ông Nguyễn Minh N3 đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 10 tháng 6 năm 2014 bà C, ông N3 tặng cho toàn bộ diện tích đất trên cho Nguyễn Hoài T1, Nguyễn Hoàng Đ1. Đồng thời, thửa 168 tờ bản đồ số 26 diện tích 128 m² tọa lạc tại A đường C, phường T (phường H, quận N), thành phố Cần Thơ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N2 có nguồn gốc đất là do bà Ngô Thị Đ2 (bà N4 của ông N2) để lại cho ông N2 và ông N2 sử dụng ổn định từ trước năm 1980 đến năm 2002 ông N2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Kim L là mẹ ruột của nguyên đơn cho rằng 2 thửa đất nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế không phải là tài sản của bà và ông Lê Văn C2, bà L và ông C2 không quản lý và sử dụng đối với 02 phần đất trên. Nguồn gốc 02 phần đất trên là của ông Lê Văn N2 và bà Lê Kim C sử dụng từ trước năm 1980, ông N2 và bà C đã xây dựng nhà kiên cố để ở. Như vậy, lời khai của bà L phù hợp về nguồn gốc đất đã được bị đơn kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí là phù hợp.

Thứ hai: Nguyên đơn kháng cáo về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T1 và ông Đ1 cho rằng có nhận được thông báo của Tòa án về việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng không có mặt vì theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị phần di sản thừa kế với số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Như vậy, việc xem xét thẩm định tại chỗ là bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T1 và ông Đ1 không đồng ý nên không có mặt khi Tòa án đã ấn định ngày giờ để tiến hành xem xét thẩm định tài sản đang tranh chấp. Xét thấy, việc Tòa án ban hành các

thông báo cho các đương sự biết ngày giờ tiến hành xem xét thẩm định tài sản là việc Tòa án đang thực hiện quy trình tố tụng để làm căn cứ giải quyết vụ án, vì vậy các đương sự phải có nghĩa vụ chấp hành theo Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T1 và ông Đ1 không thực hiện theo đúng thông báo của Tòa án cấp sơ thẩm, dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm không thể xem xét thẩm định tài sản đang tranh chấp là vi phạm. Vì vậy, bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T1 và ông Đ1 phải chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ 2 lần nhưng không thành của cấp sơ thẩm. Chi phí thẩm định là 6.000.000 đồng, phía nguyên đơn đã nộp xong nên bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T1 và ông Đ1 có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp. Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn về chi phí tố tụng là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh G.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 183/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Minh G về việc tranh chấp thừa kế với bị đơn Lê Văn N2, Lê Kim C.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Bị đơn ông N2 và bà C mỗi người trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoài T1 và ông Nguyễn Hoài Đ3 mỗi người trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cấn trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền án phí số 5931 ngày 27/03/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều nay Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Cần Thơ.

Nguyên đơn phải nộp thêm: 5.900.000 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004130 ngày 03/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai